TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Lê.

2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hà Năng Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

1. Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu ông và bà Trương Thị Th đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 15/8/2008. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, bà Th quen người đàn ông khác nên vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng ông sống ly thân thì ông sinh sống tại xã V, còn bà Thúy sống tại xã L.

Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Th.

2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng có năm con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 10/9/2002, giới tính: nam; Dương Văn K, sinh ngày: 03/10/2004, giới tính: nam; Dương Thành Đ, sinh ngày: 19/7/2007, giới tính: nam; Dương Thị Hồng N, sinh ngày: 13/5/2010, giới tính: nữ và Dương Minh H, sinh ngày:

08/02/2012, giới tính: nam. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi con chung. Nay ông T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc bốn con chung tên Dương Văn K, Dương Thành Đ, Dương Thị Hồng Nh và Dương Minh H, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 10/9/2002, giới tính: nam đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng ông T không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được. Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông Dương Văn T khởi kiện bà Trương Thị Th về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông T và bà Th có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông T nhận thấy mối quan hệ giữa ông và bà Th có nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2014 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà Th là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung tên Dương Văn K, sinh ngày: 03/10/2004, giới tính: nam; Dương Thành Đ, sinh ngày: 19/7/2007, giới tính: nam; Dương Thị Hồng N, sinh ngày: 13/5/2010, giới tính: nữ; Dương Minh H, sinh ngày: 08/02/2012, giới tính: nam và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay ông T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu K, Đ, N, H và nguyện vọng của các con là được ở cùng ông T để ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận. Đối với con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 10/9/2002, giới tính: nam đã đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Dương Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Th và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Bà Trương Thị Th trú tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Th không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Th nhưng bà Th vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà Th là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, vợ chồng ông T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 cho đến nay, việc sống ly thân có chính quyền địa phương xác nhận. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông T và bà Th có năm con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 10/9/2002, giới tính: nam; Dương Văn K, sinh ngày: 03/10/2004, giới tính: nam; Dương Thành Đ, sinh ngày: 19/7/2007, giới tính: nam; Dương Thị Hồng N, sinh ngày: 13/5/2010, giới tính: nữ và Dương Minh H, sinh ngày: 08/02/2012, giới tính: nam. Ông T có nguyện vọng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bốn con chung tên K, Đ, N, H.

Xét thấy: Ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu K, Đ, N, H đảm bảo tốt về mọi mặt, ông T có thu nhập ổn định và các cháu K, Đ, N, H có nguyện vọng sống với cha nên giao cho ông T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu K, Đ, N, H (các cháu K, Đ, N, H đang sống chung với ông T) là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 10/9/2002, giới tính: nam đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Dương Văn T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm;

Bà Trương Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Dương Văn T được ly hôn với bà Trương Thị Th.

2. Về con chung: Ông Dương Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc bốn con chung tên Dương Văn K, sinh ngày: 03/10/2004, giới tính: nam; Dương Thành Đ, sinh ngày: 19/7/2007, giới tính: nam; Dương Thị Hồng N, sinh ngày: 13/5/2010, giới tính: nữ và Dương Minh H, sinh ngày: 08/02/2012, giới tính: nam (các cháu K, Đ, N, H đang sống chung với ông T).

Đối với con chung tên Dương Chí T đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Bà Trương Thị Th không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở bà Trương Thị Th thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của các con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Ông Dương Văn T phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003074 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Trương Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Chí Dũng

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*